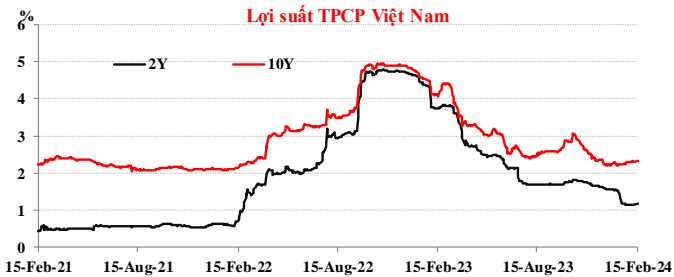

**Lãi suất LNH**
**Trái phiếu**

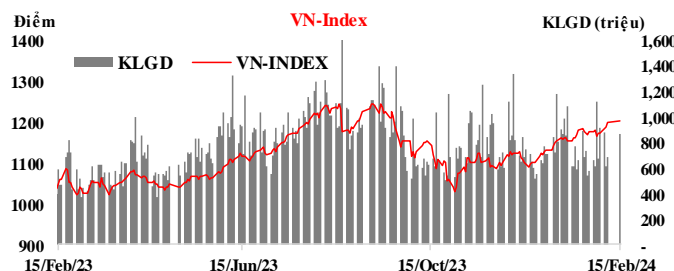
Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	1.33	-2.35	5.18	0.00	3Y	1.21	0.016
1W	1.58	-2.02	5.29	0.01	5Y	1.42	0.005
2W	1.80	-1.58	5.33	0.00	7Y	1.82	-0.002
1M	2.10	-0.67	5.40	0.00	10Y	2.32	0.016
2M	2.55	-0.12	5.49	-0.01	15Y	2.52	0.010
3M	2.80	-0.03	5.58	0.00			
6M	4.33	0.05	5.63	0.00			
9M	4.82	0.06	5.70	0.00			
1Y	5.30	0.04	5.78	0.02			


**Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TP NHNN 15/02/2024**

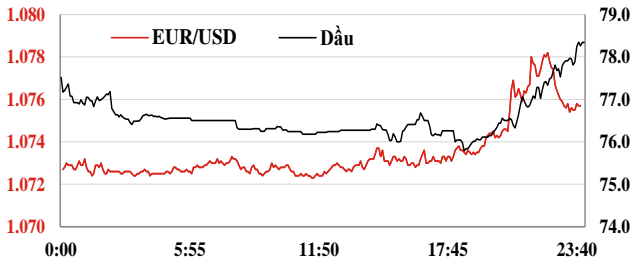
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	1,000.00	-	-	-	0.00
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
<b>Tổng</b>					

**Chứng khoán ngày 15/02/2024**

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
<b>Điểm</b>	1202.50	232.75	90.06
<b>%/ngày</b>	0.33%	0.74%	0.82%
<b>%/30/12/2022</b>	19.4%	13.4%	25.7%
<b>KLGD (tr.d.v)</b>	868.72	59.22	27.5
<b>GTGD (tỷ đ)</b>	19392.90	1239.62	449.03
<b>NDINN mua (tỷ đ)</b>	1489.30	58.02	82.61
<b>NDINN bán (tỷ đ)</b>	1827.73	87.00	5.69


**Tin trong nước ngày 15/02**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 15/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.976 VND/USD, tăng mạnh 20 đồng so với phiên trước kỳ nghỉ lễ. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.124 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.460 VND/USD, tăng 60 đồng so với phiên 08/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng mạnh 250 đồng ở chiều mua vào và 170 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 24.950 VND/USD và 25.020 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 15/02, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,67 – 2,35 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước kỳ nghỉ lễ, cụ thể: ON 1,33%; 1W 1,58%; 2W 1,80% và 1M 2,10%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W; giao dịch tại: ON 5,18%; 1W 5,29%; 2W 5,33%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở kỳ hạn 7Y và tăng ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,21%; 5Y 1,42%; 7Y 1,82%; 10Y 2,32%; 15Y 2,52%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán phiên đầu năm mới diễn biến tích cực. Chốt phiên, VN-Index tăng 3,97 điểm (+0,33%) lên mức 1.202,50 điểm; HNX-Index thêm 1,71 điểm (+0,74%) đạt 232,75 điểm; UPCoM-Index nhích 0,72 điểm (+0,82%) lên 90,06 điểm. Thanh khoản thị trường tăng so với phiên trước đó với giá trị giao dịch đạt gần 21.100 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng hơn 290 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Liên Bộ Tài chính - Công Thương điều hành tăng giá bán lẻ xăng dầu trong kỳ điều chỉnh ngày 15/02.** Cụ thể, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường như sau: xăng E5RON92: không cao hơn 22.831 đồng/lít (tăng 711 đồng/lít so với giá cơ sở hiện hành), thấp hơn xăng RON95-III 1.088 đồng/lít; xăng RON95-III: 23.919 đồng/lít (tăng 657 đồng/lít); dầu diesel 0.05S: 21.361 đồng/lít (tăng 654 đồng/lít); dầu hỏa: 21.221 đồng/lít (tăng 633 đồng/lít); dầu madút 180CST 3.5S: 15.906 đồng/kg (tăng 308 đồng/kg).

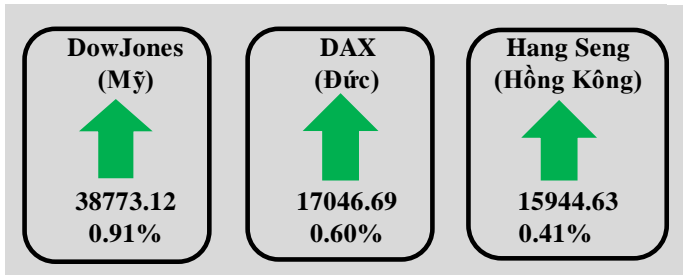


## Tin quốc tế

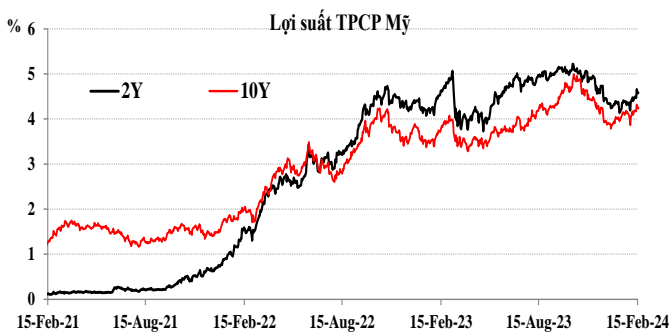
- Nước Mỹ ghi nhận một số chỉ báo quan trọng.** Đầu tiên, doanh số bán lẻ lõi tại Mỹ giảm 0,6% m/m trong tháng 1 sau khi tăng 0,4% ở tháng trước đó, trái với kỳ vọng tăng nhẹ 0,2%. Doanh số bán lẻ toàn phần cũng giảm 0,8% m/m trong tháng vừa qua sau khi tăng 0,4% ở tháng 12, sâu hơn mức giảm 0,2% theo dự báo. Tiếp theo, sản lượng công nghiệp tại Mỹ giảm 0,1% m/m trong tháng 1 sau khi đi ngang (0,0% m/m) ở tháng trước đó, trái với dự báo tăng 0,2%. Về thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 10/02 ở mức 212 nghìn đơn, giảm xuống từ 220 nghìn đơn của tuần trước đó, đồng thời thấp hơn mức 219 nghìn đơn theo dự báo.
- Kinh tế Anh suy yếu cuối năm 2023.** Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh ONS công bố GDP nước này giảm 0,1% m/m trong tháng 12 sau khi tăng 0,2% ở tháng trước đó, gần khớp với mức giảm 0,2% theo dự báo. GDP của Anh Q4/2023 cho thấy mức giảm 0,3% q/q sau khi giảm 0,1% ở quý trước đó, sâu hơn mức giảm 0,1% theo dự báo. Như vậy kinh tế Anh đang rơi vào suy thoái kỹ thuật khi suy yếu ở 2 quý liên tiếp, trong bối cảnh NHTW nước này áp dụng LSCS ở mức cao nhằm kiểm soát lạm phát. Giám đốc Liz McKeown của ONS cho biết tất cả các lĩnh vực chính đều giảm trong Q4/2023, trong đó sản xuất, xây dựng và bán buôn bán lẻ là lực cản lớn nhất đối với tăng trưởng.
- Thị trường lao động Úc có một số tín hiệu nổi lộng trong tháng đầu năm.** Văn phòng Thống kê Úc công bố nước này tạo ra 0,5 nghìn việc làm mới trong tháng 1 sau khi giảm 654,1 nghìn việc làm ở tháng trước đó, thấp hơn nhiều so với mức 26,4 nghìn việc làm mới theo kỳ vọng. Bên cạnh đó, tỷ lệ thất nghiệp tại quốc gia này ghi nhận ở mức 4,1% trong tháng 1 vừa qua, tăng lên từ mức 3,9% của tháng trước đó và vượt qua mức 4,0% theo dự báo. Đây là tỷ lệ thất nghiệp cao nhất mà Úc ghi nhận kể từ sau tháng 01/2022.

## Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
15-02	7:30	***	Số việc làm thay đổi tại Úc T1	0.5K	26.4K	-65.1K
15-02	7:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp tại Úc T1	4.1	4.0	3.9
15-02	14:00	***	GDP Anh mm T12	-0.1	-0.2	0.3
15-02	20:30	***	Doanh số bán lẻ lõi Mỹ mm T1	-0.6	0.2	0.4
15-02	20:30	***	Doanh số bán lẻ toàn phần Mỹ mm T1	-0.8	-0.2	0.4
16-02	14:00	***	Doanh số bán lẻ Anh mm T1	1.5		-3.2
16-02	20:30	***	PPI lõi Mỹ mm T1	0.1	0.0	
16-02	20:30	***	PPI Mỹ mm T1	0.1	-0.1	
16-02	22:00	***	Niềm tin tiêu dùng sơ bộ UoM Mỹ T2	80.0		79.0



	15 Feb 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	104.30	-0.41%	0.13%	2.92%
USD/CNY	7.19	0.00%	-0.05%	1.34%
USD/EUR	0.93	-0.43%	0.05%	2.46%
USD/JPY	149.91	-0.43%	0.40%	6.27%
USD/KRW	1328.55	-0.10%	-0.21%	2.64%
USD/SGD	1.35	-0.20%	-0.12%	2.01%
USD/TWD	31.31	-0.25%	-0.19%	2.05%
USD/THB	36.06	-0.11%	0.59%	4.98%
USD/VND Trung tâm	23976	0.08%	0.08%	0.46%
USD/VND LNH	24460	0.25%	0.25%	0.87%
USD/VND tự do	24900	0.53%	0.53%	0.64%
Vàng	2004.09	0.59%	-1.43%	-2.84%
Dầu WTI	78.03	1.81%	2.37%	8.90%



## Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	20/3/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	7/3/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	3/8/2023	21/3/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/1/2016	19/2/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	19/3/2024

# Thị trường chứng khoán

## VN-INDEX



VN-Index tăng, đóng cửa tại 1.202,50 điểm. Thị trường có phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp, đồng thời thanh khoản cũng có sự gia tăng trở lại. Mặc dù vậy, sự rung lắc đang xảy ra, đà tăng của VN-Index có thể chững lại trong những phiên tiếp theo.

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

## TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

### Những người thực hiện:

**Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm**

Email: ninhnh1@msb.com.vn

**Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích**

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)